



VOSA CORPORATION

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM



MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 6
3. Báo cáo kiểm toán	7 - 8
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	9 - 12
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012	13
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012	14 - 15
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012	16 - 46
8. Phụ lục	47

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

Khái quát về Tập đoàn

Công ty mẹ

Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam là Doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Đại lý Hàng hải Việt Nam theo Quyết định số 5099/QĐ-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2005 của Bộ Giao thông Vận tải. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005432 ngày 20 tháng 10 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi kinh doanh sau:

- Đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 16 tháng 5 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 10 tháng 7 năm 2009 về bổ sung ngành nghề kinh doanh.
- Đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 18 tháng 4 năm 2009 về thay đổi thông tin của người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Vốn nhà nước:	59.415.000.000	51,00
- Đại diện: + Ông Trần Dũng Kháng + Ông Phạm Mạnh Cường + Ông Vũ Xuân Trung + Ông Trịnh Vũ Khoa		
Các cổ đông khác	57.085.000.000	49,00
Cộng	116.500.000.000	100,00

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Phòng 801 (lầu 8), số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh.
Điện thoại : (84-8) 39.141.490 - 39.140.422
Fax : (84-8) 38.214.919 - 39.140.423
E-mail : vosagroup@hcm.vnn.vn
Website : www.vosagroup.com
Mã số thuế : 0300437898

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
1. Chi nhánh Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam – Đại lý hàng hải Quảng Ninh (Vosa Quảng Ninh).	Số 70 đường Lê Thánh Tông, phường Hồng Gai, TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.
2. Chi nhánh Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam – Đại lý hàng hải Hải Phòng (Vosa Hải Phòng).	Số 25 đường Điện Biên Phủ, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng.
3. Chi nhánh Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam – Đại lý hàng hải Hà Nội (Vosa Hà Nội).	Phòng 707 (lầu 7), số 01 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, TP. Hà Nội.
4. Chi nhánh Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam – Đại lý hàng hải Bến Thủy (Vosa Bến Thủy).	Số 86 Nguyễn Thị Minh Khai, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An.
5. Chi nhánh Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam – Đại lý hàng hải Đà Nẵng (Vosa Đà Nẵng).	Số 03 đường Quang Trung, phường Hải Châu, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Tên đơn vị	Địa chỉ
6. Chi nhánh Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam – Đại lý hàng hải Quy Nhơn (Vosa Quy Nhơn).	Số 147 đường Trần Hưng Đạo, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.
7. Chi nhánh Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam – Đại lý hàng hải Nha Trang (Vosa Nha Trang).	Số 10, đường Hoàng Diệu, phường Vĩnh Nguyên, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.
8. Chi nhánh Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam – Đại lý hàng hải Vũng Tàu (Vosa Vũng Tàu).	Số 4 Quang Trung, phường 1, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
9. Chi nhánh Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam – Đại lý hàng hải Sài Gòn (Vosa Sài Gòn).	Số 3-5-7 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh.
10. Chi nhánh Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam – Đại lý hàng hải Cần Thơ (Vosa Cần Thơ).	Số 53A-B đường Cách Mạng Tháng Tám, phường An Hòa, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ.
11. Chi nhánh Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam – Đại lý vận tải Quốc tế phía Bắc (North Freight).	Số 25 đường Điện Biên Phủ, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng.
12. Chi nhánh Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam – Dịch vụ hàng hải Phương Đông (Orimas).	Số 54 đường Lê Lợi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng.
13. Chi nhánh Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam – Đại lý, dịch vụ hàng hải và thương mại (Samtra).	Số 75 đường Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh.
14. Chi nhánh Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam – Đại lý thương mại và dịch vụ hàng hải (Vitamas).	Số 44 đường Nguyễn Tất Thành, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh.

Hoạt động chính của Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam là:

- Đại lý, kiểm đếm hàng hóa;
- Môi giới và dịch vụ hàng hải;
- Xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị kỹ thuật giao thông vận tải;
- Đại lý tàu biển (cung ứng thực phẩm, nước ngọt) và đại lý hàng hải (giao nhận kho vận, kho ngoại thương);
- Sản xuất các loại miếng đệm kỹ thuật;
- Nhập khẩu tàu cũ để phá dỡ và xuất khẩu sắt thép phế liệu;
- Dịch vụ chuyển phát bưu kiện (chỉ được kinh doanh khi có giấy phép của Tổng Cục Bưu điện);
- Xuất nhập khẩu và tạm nhập, tái xuất, chuyển khẩu xăng dầu;
- Vận tải container bằng đường bộ;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công nghiệp nhẹ, máy vi tính, trang thiết bị văn phòng, hàng triển lãm;
- Xuất nhập khẩu sắt, thép phế liệu, máy in công nghiệp các loại, hàng tiêu dùng, hàng thực phẩm, thiết bị viễn thông;
- Cho thuê văn phòng;
- Dịch vụ cung ứng tàu biển;
- San lấp mặt bằng;
- Xuất nhập khẩu, mua bán, đại lý ký gửi hàng hóa trong và ngoài nước gồm: hóa chất phục vụ sản xuất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), hàng nông – hải sản;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ và đường thủy;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Đại lý ký gửi hàng hóa và đại lý bán vé máy bay;
- Xuất nhập khẩu vật tư phục vụ nông nghiệp gồm: phân bón các loại;
- Sản xuất, gia công và mua bán các loại bao bì (không tái chế phế thải, xi mạ điện, gia công cơ khí, chế biến gỗ, in tráng bao bì kim loại tại trụ sở);
- Vận tải đa phương quốc tế;
- Dịch vụ lai dắt tàu biển;
- Dịch vụ logistic;
- Dịch vụ sửa chữa tàu biển tại cảng;
- Dịch vụ vệ sinh tàu biển;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

- Mua bán, cho thuê và sửa chữa container;
- Kinh doanh vận tải biển;
- Kinh doanh kho bãi;
- Mua bán than, vật liệu xây dựng (không mua bán tại trụ sở);
- Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch: khách sạn (không kinh doanh khách sạn tại trụ sở);
- Kinh doanh lữ hành nội địa, quốc tế;
- Dịch vụ khai thuê hải quan;
- Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản;
- Kinh doanh bất động sản;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng;
- Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan (trừ gas);
- Môi giới (trừ môi giới bất động sản).

Các công ty con

Tên công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty TNHH SYMS Việt Nam ^(*)	Số 75 đường Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh	Cung cấp hàng hải, dịch vụ đại lý giao nhận hàng hóa nội địa và quốc tế, dịch vụ đại lý vận tải hàng hóa, dịch vụ thông quan	51,00%
Công ty cổ phần bất động sản Đại lý Hàng hải Việt Nam (Vosaland)	Lầu 8, số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh.	Kinh doanh bất động sản, xây dựng nhà và các công trình kỹ thuật dân dụng.	51,00%

^(*) Đã giải thể từ ngày 29 tháng 12 năm 2009 nhưng đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012 vẫn chưa hoàn tất các thủ tục pháp lý có liên quan.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Tập đoàn được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này (từ trang 09 đến trang 47).

Trong năm, Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2011 đã được Đại hội cổ đông thường niên năm 2012 thông qua như sau:

- Trích lập các quỹ:
 - + Quỹ đầu tư phát triển: 5.377.374.924 VND
 - + Quỹ dự phòng tài chính: 1.792.458.308 VND
 - + Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ: 1.792.458.308 VND
 - + Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 3.584.916.616 VND
 - + Quỹ đối ngoại, phát triển kinh doanh: 358.491.662 VND
 - + Quỹ khen thưởng Hội đồng quản trị, Ban điều hành, Ban kiểm soát: 358.491.662 VND
- Chia cổ tức: 12 % mệnh giá tương đương 13.980.000.000 VND

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2012 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Hội đồng quản trị và Ban điều hành

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Phạm Mạnh Cường	Chủ tịch	21 tháng 6 năm 2012	-
Ông Trần Dũng Kháng	Chủ tịch	23 tháng 3 năm 2009	21 tháng 6 năm 2012
Ông Vũ Xuân Trung	Phó Chủ tịch	21 tháng 6 năm 2012	-
Ông Phạm Mạnh Cường	Phó Chủ tịch	23 tháng 6 năm 2006	21 tháng 6 năm 2012
Ông Hoàng Hoa Phòng	Ủy viên	26 tháng 6 năm 2009	-
Ông Trịnh Vũ Khoa	Ủy viên	26 tháng 6 năm 2009	-
Ông Tô Hiếu Thuận	Ủy viên	26 tháng 6 năm 2009	-

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Trưởng ban	21 tháng 6 năm 2012	-
Bà Nguyễn Thị Thanh Trang	Trưởng ban	23 tháng 6 năm 2006	21 tháng 6 năm 2012
Ông Dương Như Hùng	Ủy viên	26 tháng 6 năm 2009	-
Ông Đặng Huy Lập	Ủy viên	23 tháng 6 năm 2006	-
Ông Võ Trung Thắng	Ủy viên	23 tháng 6 năm 2006	-
Bà Phùng Thị Nga	Ủy viên	23 tháng 6 năm 2006	-

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Vũ Xuân Trung	Tổng Giám đốc	01 tháng 7 năm 2011	-
Ông Phạm Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc	16 tháng 6 năm 2006	06 tháng 8 năm 2012
Ông Hoàng Hoa Phòng	Phó Tổng Giám đốc	05 tháng 10 năm 2010	-
Ông Trịnh Vũ Khoa	Phó Tổng Giám đốc	08 tháng 10 năm 2010	-
Bà Nguyễn Thị Thanh Trang	Phó Tổng Giám đốc	06 tháng 8 năm 2012	-

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phân ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn và Báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các chuẩn mực và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị



Phạm Mạnh Cường
Chủ tịch

Ngày 30 tháng 3 năm 2013

Số: 0379/2013/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2012 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Kính gửi: CỐ ĐỒNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2012 của Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn) gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 10 tháng 3 năm 2013, từ trang 09 đến trang 47 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thủ nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Giới hạn về phạm vi kiểm toán

Chúng tôi chưa được cung cấp đầy đủ đối chiếu công nợ tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012 của các khoản mục sau:

Khoản mục	Số tiền (VND)	Thuyết minh
Người mua trả tiền trước	8.122.483.829	V.22
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	34.643.960.756	V.26
Vay và nợ dài hạn	3.078.906.000	V.29

Với những tài liệu hiện có ở Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam, chúng tôi cũng không thể kiểm tra tính đúng đắn của các khoản công nợ tại thời điểm trên bằng các thủ tục kiểm toán khác, cũng như ảnh hưởng chênh lệch tỷ giá (nếu có) của các khoản công nợ này đến kết quả kinh doanh.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu trên, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi chỉ muốn lưu ý người đọc Báo cáo tài chính đến thuyết minh số VIII.1 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính về khoản công nợ đang tranh chấp với Manuchar Hong Kong Limited.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.



Bùi Văn Khá - Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0085/KTV



Trần Thị Thùy Quyên - Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1539/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2013.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801, lầu 8, số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		294,034,608,567	272,514,553,625
I. Tiền và các khoản tương đương	110	V.1	180,438,636,959	152,677,941,966
1. Tiền	111		85,159,588,294	61,255,174,645
2. Các khoản tương đương tiền	112		95,279,048,665	91,422,767,321
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1,000,000,000	1,500,000,000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	1,000,000,000	1,500,000,000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		96,001,923,929	99,112,978,344
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	75,769,373,835	73,447,899,730
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	1,587,185,395	2,334,142,531
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	19,594,724,369	24,851,898,598
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.6	(949,359,670)	(1,520,962,515)
IV. Hàng tồn kho	140		5,083,256	569,960
1. Hàng tồn kho	141		5,083,256	569,960
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		16,588,964,423	19,223,063,355
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	538,894,572	322,131,253
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		5,283,443,562	5,095,034,002
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.23	93,013,658	216,498,357
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.8	10,673,612,631	13,589,399,743

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801, lầu 8, số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		189,639,749,555	188,870,956,807
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		120,000,000	241,783,200
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		120,000,000	241,783,200
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		89,597,508,328	87,711,447,402
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	40,298,606,889	39,113,442,203
<i>Nguyên giá</i>	222		99,726,642,857	93,617,814,205
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(59,428,035,968)	(54,504,372,002)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	15,604,056,251	14,114,403,744
<i>Nguyên giá</i>	228		16,287,137,947	14,426,258,647
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(683,081,696)	(311,854,903)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	33,694,845,188	34,483,601,455
III. Bất động sản đầu tư	240	V.12	63,999,044,544	66,857,460,675
<i>Nguyên giá</i>	241		79,161,536,292	77,196,265,456
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		(15,162,491,748)	(10,338,804,781)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		31,950,009,701	30,605,742,490
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.13	3,281,370,000	3,281,370,000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.14	18,187,921,513	16,352,454,959
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.15	14,205,838,506	14,197,037,849
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.16	(3,725,120,318)	(3,225,120,318)
V. Tài sản dài hạn khác	260		3,973,186,982	3,454,523,040
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.17	2,718,725,065	2,219,842,288
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.18	461,002,158	461,002,158
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.19	793,459,759	773,678,594
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		483,674,358,122	461,385,510,432

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801, lầu 8, số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		264,144,134,376	253,023,149,292
I. Nợ ngắn hạn	310		260,441,026,724	247,447,711,135
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.20	-	4,400,000,000
2. Phải trả người bán	312	V.21	61,988,774,591	44,783,879,039
3. Người mua trả tiền trước	313	V.22	15,523,720,437	21,925,381,638
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.23	7,917,951,964	8,456,997,044
5. Phải trả người lao động	315	V.24	39,105,889,981	34,921,769,356
6. Chi phí phải trả	316	V.25	13,624,544,139	14,711,932,748
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.26	112,171,201,793	104,898,224,110
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.27	10,108,943,819	13,349,527,200
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		3,703,107,652	5,575,438,157
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.28	624,201,652	157,138,032
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.29	3,078,906,000	3,078,906,000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.30	-	1,499,194,125
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	840,200,000
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		216,478,309,942	204,988,091,952
I. Vốn chủ sở hữu	410		216,478,309,942	204,988,091,952
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.31	116,500,000,000	116,500,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	8,502,894,889
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.31	31,539,986,745	26,162,611,821
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.31	8,404,017,511	6,611,559,203
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	V.31	8,384,352,423	6,790,802,453
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.31	51,649,953,263	40,420,223,586
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C - LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	V.32	3,051,913,804	3,374,269,188
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		483,674,358,122	461,385,510,432

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801, lầu 8, số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		1,651,190,480	828,516,905
5. Ngoại tệ các loại: Dollar Mỹ (USD)		3,861,378.63	2,888,152.11
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Võ Trung Thắng
Người lập biểu

Phan Văn Khánh
Phó phụ trách
Phòng Tài chính kế toán

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 3 năm 2012

Vũ Xuân Trung
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801, lầu 8, số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	610,090,537,747	691,702,768,116
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	610,090,537,747	691,702,768,116
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	528,092,729,378	604,284,181,777
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		81,997,808,369	87,418,586,339
6. Doanh thu tài chính	21	VI.3	24,332,015,921	27,657,930,129
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1,844,715,189	8,183,196,210
Trong đó: chi phí lãi vay	23		40,002,000	736,522,000
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	68,999,215,969	70,995,207,396
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		35,485,893,132	35,898,112,862
11. Thu nhập khác	31	VI.6	6,294,038,339	2,062,801,719
12. Chi phí khác	32	VI.7	5,000,176,301	708,612,387
13. Lợi nhuận khác	40		1,293,862,038	1,354,189,332
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45	VI.8	9,956,162,916	8,048,661,639
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		46,735,918,086	45,300,963,833
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.23	8,316,199,866	9,692,750,077
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.18	-	(461,002,158)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>38,419,718,220</u>	<u>36,069,215,914</u>
18.1. Lợi ích của cổ đông thiểu số	61		(322,355,384)	220,049,754
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		<u>38,742,073,604</u>	<u>35,849,166,160</u>
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	<u>3,325</u>	<u>3,077</u>

Võ Trung Thắng
Người lập biểu

Phan Văn Khánh
Phó phụ trách
Phòng Tài chính kế toán



TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 3 năm 2012

Vũ Xuân Trung
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801, lầu 8, số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**(Theo phương pháp trực tiếp)****Năm 2012**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		601,485,220,628	1,544,004,014,331
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(578,560,075,362)	(1,075,431,770,342)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(94,435,158,561)	(100,075,468,328)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	VI.4	(40,002,000)	(785,724,000)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	V.21	(9,848,009,187)	(12,676,180,442)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1,650,134,999,883	1,468,677,216,267
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(1,527,511,160,577)	(1,883,603,909,480)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		41,225,814,824	(59,891,821,994)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9,10,11, VII.2	(15,741,209,736)	(22,510,853,104)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.6	502,999,999	668,181,818
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	VII.3	(17,700,000,000)	(190,835,575,830)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	VII.3	18,000,000,000	192,704,334,652
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(2,520,000,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	2,728,974,752
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3, V.5	20,528,803,194	23,789,685,698
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		5,590,593,457	4,024,747,986

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801, lầu 8, số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.20	4,860,768,249	2,635,851,146
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.20, V.29	(9,260,768,249)	(8,258,482,146)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.31	(13,980,000,000)	(13,980,000,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(18,380,000,000)	(19,602,631,000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		28,436,408,281	(75,469,705,007)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	152,677,941,966	224,812,921,955
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(675,713,288)	3,334,725,018
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	180,438,636,959	152,677,941,966

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 3 năm 2012

Võ Trung Thắng
Người lập biểu

Phan Văn Khánh
Phó phụ trách
Phòng Tài chính kế toán



Vũ Xuân Trung
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801 (lầu 8), số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Năm 2012

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 bao gồm báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam (công ty mẹ) và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ, thương mại.
- Ngành nghề kinh doanh** : Đại lý, kiểm đếm hàng hóa; Môi giới và dịch vụ hàng hải; Đại lý tàu biển (cung ứng thực phẩm, nước ngọt) và đại lý hàng hải (giao nhận kho vận, kho ngoại thương); Sản xuất các loại miếng đệm kỹ thuật; Vận tải container bằng đường bộ; Cho thuê văn phòng; Dịch vụ cung ứng tàu biển; Xuất nhập khẩu, mua bán, đại lý ký gửi hàng hóa trong và ngoài nước gồm: hóa chất phục vụ sản xuất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), hàng nông – hải sản; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ và đường thủy; Bốc xếp hàng hóa; Đại lý ký gửi hàng; Vận tải đa phương quốc tế; Dịch vụ lai dắt tàu biển; Dịch vụ logistic; Mua bán, cho thuê và sửa chữa container; Kinh doanh vận tải biển; Kinh doanh kho bãi; Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch: khách sạn (không kinh doanh khách sạn tại trụ sở); Dịch vụ khai thuê hải quan.
- Tổng số các công ty con** : 02
Trong đó:
Số lượng các công ty con được hợp nhất: 01.
Số lượng các công ty con không được hợp nhất: 01.

5. Danh sách các công ty con được hợp nhất

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ trụ sở chính</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Quyền biểu quyết</u>
Công ty cổ phần bất động sản Đại Lý Hàng hải Việt Nam	Lầu 8, số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh.	51%	51%

6. Công ty con bị loại khỏi quá trình hợp nhất

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ trụ sở chính</u>	<u>Lý do</u>
Công ty TNHH SYMS Việt Nam	Số 75 đường Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh	Không có Báo cáo tài chính do đã giải thể từ ngày 29 tháng 12 năm 2009

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801 (lầu 8), số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Các công ty liên kết được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ phần sở hữu</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty TNHH NYK Line (Việt Nam) ^(*)	Phòng 602, số 2A-4A Tôn Đức Thắng, quận 1, TP. Hồ Chí Minh	49,00%	49,00%
Công ty TNHH China Shipping Việt Nam	Phòng 1009, tầng 10, số 37 Tôn Đức Thắng, quận 1, TP. Hồ Chí Minh	40,00%	40,00%

^(*) Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty TNHH NYK Line (Việt Nam) chưa được kiểm toán.

8. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 Tập đoàn có 732 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (cuối năm trước là 731 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của các Công ty trong Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam (công ty mẹ) đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Tập đoàn sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801 (lầu 8), số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam (công ty mẹ) và các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801 (lầu 8), số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Tập đoàn có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết được bao gồm trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu chi phí đầu tư thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

5. Áp dụng qui định kế toán mới

Ngày 24 tháng 10 năm 2012 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2012/TT-BTC qui định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái áp dụng từ năm tài chính 2012 và thay thế Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009. Qui định của Thông tư số 179/2012/TT-BTC thay đổi so với Thông tư số 201/2009/TT-BTC Tập đoàn đang áp dụng về tỷ giá qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ và tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm cũng như xử lý chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thông tư số 179/2012/TT-BTC qui định tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi các Công ty trong Tập đoàn có giao dịch phát sinh, tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi các Công ty trong Tập đoàn mở tài khoản công bố thay vì sử dụng tỷ giá bình quân liên ngân hàng như hướng dẫn tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Theo Thông tư 201/2009/TT-BTC, chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xử lý như sau:

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư cuối năm của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản nợ phải thu, phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) và được ghi bút toán ngược lại để xóa số dư vào đầu năm sau.
- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải thu, phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm. Nếu việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái của các khoản nợ phải trả dài hạn làm cho kết quả kinh doanh của Tập đoàn bị lỗ thì một phần chênh lệch tỷ giá được phân bổ cho năm sau để Tập đoàn không bị lỗ nhưng khoản lỗ chênh lệch tỷ giá ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong năm đó. Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại sẽ được phân bổ vào chi phí cho các năm sau với thời gian tối đa không quá 5 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801 (lầu 8), số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thông tư số 179/2012/TT-BTC quy định chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm. Tuy nhiên, Thông tư số 179/2012/TT-BTC cho phép khoản lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ của các năm trước chưa phân bổ hết được tiếp tục phân bổ theo số năm còn lại.

6. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

8. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801 (lầu 8), số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 30
Máy móc và thiết bị	03 – 06
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 – 10

10. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Tập đoàn hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư được công bố tại thuyết minh số IV.9.

11. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn nên không tính khấu hao. Riêng quyền sử dụng đất tại xã Phú Mỹ, phường Phú Thuận, quận 7, TP. Hồ Chí Minh được khấu hao trong 43 năm.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao trong thời gian từ 3 - 5 năm.

12. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801 (lầu 8), số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

13. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.

Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

14. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định là toàn bộ chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra để sửa chữa văn phòng, nhà làm việc. Chi phí này được phân bổ trong 3 năm

15. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801 (lầu 8), số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

16. Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

Các Công ty trong Tập đoàn phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Tập đoàn từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương bình quân làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Tập đoàn phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp Tập đoàn không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Trợ cấp thôi việc chi trả trong năm được ghi giảm số dư đã trích lập trong các năm trước. Nếu số dư đã trích lập trong các năm trước không đủ để chi trợ cấp thôi việc cho người lao động thì toàn bộ phần chi còn thiếu được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm. Nếu số dư đã trích lập trong các năm trước sau khi chi trợ cấp thôi việc trong năm vẫn còn số dư thì phần chưa chi được ghi nhận vào thu nhập khác trong năm.

17. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông Công ty mẹ.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty mẹ phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

18. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

19. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty mẹ như sau:

Hàng năm, Công ty mẹ sẽ trích lập Quỹ dự trữ để bổ sung vốn điều lệ. Mức trích lập hàng năm không vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế và sẽ trích lập cho đến khi bằng 10% vốn điều lệ.

Ngoài ra, Tập đoàn sẽ trích lập các Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ dự phòng tài chính, Quỹ khen thưởng, phúc lợi, Quỹ đối ngoại phát triển kinh doanh và Quỹ khen thưởng Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban kiểm soát Công ty mẹ từ lợi nhuận sau thuế căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh và định hướng phát triển của Tập đoàn. Việc trích lập các quỹ này do Đại hội đồng cổ đông quyết định trên cơ sở đề nghị của Hội đồng quản trị Công ty mẹ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801 (lầu 8), số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

21. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi các Công ty trong Tập đoàn có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi các Công ty trong Tập đoàn mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2011 : 20.828 VND/USD
31/12/2012 : 20.815 VND/USD

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801 (lầu 8), số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

22. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm (mút xộp) được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hoá, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận theo từng loại hình dịch vụ:

- Doanh thu đại lý tàu được ghi nhận khi tập hợp đầy đủ các chứng từ đầu vào có liên quan (bao gồm các khoản chi hộ) và phát hành hóa đơn giá trị gia tăng cho khách hàng.
- Doanh thu đại lý vận tải được ghi nhận theo quyết toán từng lô hàng đã hoàn thành dịch vụ trong kỳ do Phòng đại lý lập trên cơ sở trích trước các khoản chi phí có liên quan.
- Doanh thu khác được ghi nhận khi dịch vụ hoàn thành và đã phát hành hóa đơn giá trị gia tăng cho khách hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi các Công ty trong Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

23. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm các nhóm: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801 (lầu 8), số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

24. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại tại thuận của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

25. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

26. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

27. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.2.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801 (lầu 8), số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	2.060.886.104	3.718.178.777
Tiền gửi ngân hàng ^(a)	83.098.702.190	57.536.995.868
Các khoản tương đương tiền ^(b)	95.279.048.665	91.422.767.321
Cộng	<u>180.438.636.959</u>	<u>152.677.941.966</u>

^(a) Trong đó, khoản tiền ký ngân của các hãng tàu tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 13.207.224.806 VND.

^(b) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng.

2. Đầu tư ngắn hạn

Tiền gửi có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến 1 năm tại Công ty mẹ.

3. Phải thu khách hàng

Khoản tiền phải thu của các chủ tàu, Đại lý vận tải và các khách hàng về dịch vụ đã cung cấp.

4. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Khoản ứng trước cho các nhà cung cấp dịch vụ ^(*)	1.191.185.395	1.313.894.131
Khoản ứng trước cho các nhà cung cấp liên quan đến xây dựng cơ bản (Vosa Quảng Ninh)	396.000.000	1.020.248.400
Cộng	<u>1.587.185.395</u>	<u>2.334.142.531</u>

^(*) Khoản ứng trước cho các nhà cung cấp dịch vụ về các khoản thu chi hộ: trả tiền cảng phí, hoa tiêu, dịch vụ cung cấp nước và các dịch vụ khác.

5. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn dự thu	438.096.039	617.013.527
Thuế thu nhập cá nhân phải thu công nhân viên	180.864.613	293.270.387
Bảo hiểm xã hội	97.352.081	61.686.920
Cổ tức và lợi nhuận được chia	1.286.889.767	-
Thu chi hộ vận chuyển, cước tàu, phí lưu kho, phí chứng từ, xếp dỡ, ... cho các hãng tàu	16.284.717.337	19.804.062.223
Khoản phải thu khác	1.306.804.532	4.075.865.541
Cộng	<u>19.594.724.369</u>	<u>24.851.898.598</u>

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Chi tiết phát sinh dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán	949.359.670	1.520.962.515
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm	-	-
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	143.802.826	79.642.695
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	116.851.507	74.992.784

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801 (lầu 8), số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm	688.705.337	1.366.327.036
Dự phòng nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	-	-
Cộng	<u>949.359.670</u>	<u>1.520.962.515</u>

Tình hình biến động dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	1.520.962.515	1.601.528.305
Trích lập dự phòng bổ sung	280.771.690	152.635.836
Hoàn nhập dự phòng	(29.700.961)	(233.201.626)
Xử lý xóa nợ	(822.673.574)	-
Số cuối năm	<u>949.359.670</u>	<u>1.520.962.515</u>

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí sửa chữa	-	10.480.500
Công cụ, dụng cụ	3.744.200	-
Chi phí bảo hiểm	28.193.347	29.059.504
Chi phí thuê văn phòng, nhà kho	97.500.000	39.570.000
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	409.457.025	243.021.249
Cộng	<u>538.894.572</u>	<u>322.131.253</u>

8. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	7.095.917.631	9.762.101.132
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	91.880.211
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.577.695.000	3.735.418.400
Ký quỹ bảo lãnh thanh toán cho các hãng hàng không	2.978.950.000	2.512.360.000
Ký quỹ đặt cọc thuê văn phòng	426.745.000	906.058.400
Ký quỹ mượn vỏ container lạnh của Vosa Quảng Ninh	-	300.000.000
Ký quỹ ngắn hạn khác	172.000.000	17.000.000
Cộng	<u>10.673.612.631</u>	<u>13.589.399.743</u>

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	53.373.292.091	2.050.668.026	33.424.095.659	4.769.758.429	93.617.814.205
Tăng trong năm	1.472.089.999	72.500.000	6.571.638.841	902.016.345	9.018.245.185
Mua sắm mới	728.847.272	72.500.000	5.430.052.478	557.697.245	6.789.096.995
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	743.242.727	-	1.141.586.363	344.319.100	2.229.148.190
Giảm trong năm	(1.361.151.837)	-	(1.485.972.809)	(62.291.887)	(2.909.416.533)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.485.972.809)	(62.291.887)	(1.548.264.696)
Phân loại sang bất động sản đầu tư	(1.361.151.837)	-	-	-	(1.361.151.837)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801 (lầu 8), số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Số cuối năm	53.484.230.253	2.123.168.026	38.509.761.691	5.609.482.887	99.726.642.857
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	6.929.396.484	595.532.010	14.169.116.359	3.029.447.076	24.723.491.929
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	27.420.259.038	1.064.849.708	21.932.524.074	4.086.739.182	54.504.372.002
Khấu hao trong năm	3.153.431.344	209.665.091	2.995.984.194	596.006.901	6.955.087.530
Giảm trong năm	(491.658.863)	-	(1.485.972.809)	(53.791.892)	(2.031.423.564)
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	-	(1.485.972.809)	(53.791.892)	(1.539.764.701)
<i>Phân loại sang bất động sản đầu tư</i>	(491.658.863)	-	-	-	(491.658.863)
Số cuối năm	30.082.031.519	1.274.514.799	23.442.535.459	4.628.954.191	59.428.035.968
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	25.953.033.053	985.818.318	11.491.571.585	683.019.247	39.113.442.203
Số cuối năm	23.402.198.734	848.653.227	15.067.226.232	980.528.696	40.298.606.889
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	14.228.736.363	197.522.284	14.426.258.647
Mua sắm mới (*)	-	1.860.879.300	1.860.879.300
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số cuối năm	14.228.736.363	2.058.401.584	16.287.137.947
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	-	113.122.284	113.122.284
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	174.381.593	137.473.310	311.854.903
Khấu hao trong năm	33.751.272	337.475.521	371.226.793
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số cuối năm	208.132.865	474.948.831	683.081.696
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	14.054.354.770	60.048.974	14.114.403.744
Số cuối năm	14.020.603.498	1.583.452.753	15.604.056.251
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

(*) Trong đó, phần mềm máy tính đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng Công ty chưa hoàn tất thủ tục nghiệm thu, quyết toán với nhà cung cấp. Do vậy, Công ty đã tạm kết chuyển tài sản cố định vô hình để trích khấu hao theo quy định với giá trị ước tính chưa quyết toán là 279.131.895 VND (thuyết minh V.25).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801 (lầu 8), số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phát sinh như sau:

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ và bất động sản đầu tư trong năm	Giảm khác	Số cuối năm
Mua sắm TSCĐ	1.004.215.595	2.342.569.168	(3.346.784.763)	-	-
XDCB dở dang	33.479.385.860	1.275.200.055	(743.242.727)	(316.498.000)	33.694.845.188
<i>Chi phí xây dựng Trung tâm điều hành sản xuất và kinh doanh tại số 1 Bến Vân Đồn (*)</i>	<i>32.342.586.378</i>	-	-	-	<i>32.342.586.378</i>
<i>Chi phí nâng cấp trụ sở tại Bãi Cháy Quảng Ninh, xây dựng mới khách sạn</i>	<i>161.498.000</i>	-	-	<i>(161.498.000)</i>	-
<i>Dự án xây dựng kho ngoại quan Móng Cái (Quảng Ninh)</i>	-	<i>743.242.727</i>	<i>(743.242.727)</i>	-	-
<i>Các công trình khác</i>	<i>975.301.482</i>	<i>531.957.328</i>	-	<i>(155.000.000)</i>	<i>1.352.258.810</i>
Cộng	<u>34.483.601.455</u>	<u>3.617.769.223</u>	<u>(4.090.027.490)</u>	<u>(316.498.000)</u>	<u>33.694.845.188</u>

(*) Chi phí xây dựng Công trình Trung tâm điều hành sản xuất và kinh doanh tại số 1 Bến Vân Đồn đã được sử dụng để góp vốn vào Công ty cổ phần bất động sản Đại lý Hàng hải Việt Nam (Vosaland) với giá trị được các bên thống nhất là 46.500.000.000 VND theo Biên bản thỏa thuận góp vốn số 08/2009/TT-GV ngày 21 tháng 9 năm 2009 nhưng Công ty chưa hoàn tất thủ tục chuyển nhượng cũng như biên bản bàn giao cho Công ty cổ phần bất động sản Đại lý Hàng hải Việt Nam.

12. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Các công trình nhà kho và sân bãi cho thuê phát sinh tại Công ty mẹ.

Nguyên giá

Số đầu năm	77.196.265.456
Đầu tư xây dựng mới	604.118.999
Phân loại từ tài sản cố định hữu hình	1.361.151.837
Số cuối năm (*)	<u>79.161.536.292</u>

Trong đó:

<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	373.399.090
--	-------------

Giá trị hao mòn

Số đầu năm	10.338.804.781
Khấu hao trong năm	4.332.028.104
Phân loại từ tài sản cố định hữu hình	491.658.863
Số cuối năm	<u>15.162.491.748</u>

Giá trị còn lại

Số đầu năm	66.857.460.675
Số cuối năm	<u>63.999.044.544</u>

Trong đó:

Tạm thời chưa sử dụng	-
Đang chờ thanh lý	-

(*) Trong đó, một số công trình xây dựng cơ bản của Công ty mẹ đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng Công ty mẹ chưa hoàn thành thủ tục nghiệm thu, quyết toán công trình. Do vậy, Công ty mẹ đã tạm kết chuyển bất động sản đầu tư để trích khấu hao theo quy định với giá trị ước tính chưa quyết toán là 4.111.566.601 VND (thuyết minh V.25).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801 (lầu 8), số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Bất động sản đầu tư bao gồm một số bất động sản cho bên thứ ba thuê. Thu nhập và chi phí liên quan đến cho thuê bất động sản đầu tư như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập từ việc cho thuê	19.070.275.050	12.144.548.188
Chi phí trực tiếp liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	4.332.028.104	3.319.566.101
Chi phí trực tiếp không liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	-	-

13. Đầu tư vào công ty con

Số dư cuối năm là khoản đầu tư vào công ty con - Công ty TNHH SYMS Việt Nam bị loại khỏi quá trình hợp nhất do không có Báo cáo tài chính.

Tên công ty	Hoạt động chính	Vốn điều lệ	Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH SYMS Việt Nam ⁽ⁱ⁾	Cung cấp dịch vụ hàng hải; dịch vụ đại lý giao nhận hàng hóa nội địa và quốc tế; dịch vụ đại lý vận tải hàng hóa	6.400.000.000 VND trương đương USD 400.000.000	51%	51%
Công ty cổ phần bất động sản Đại lý Hàng hải Việt Nam ⁽ⁱⁱ⁾	Kinh doanh bất động sản	100.000.000.000 VND	51%	51%

(i) Công ty này đã hoàn tất thủ tục giải thể trong tháng 12 năm 2009 nhưng Công ty cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam chưa liên hệ được với bên đối tác liên doanh nên chưa thanh lý khoản đầu tư này.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0309586799 ngày 18 tháng 11 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam đầu tư vào Công ty cổ phần bất động sản Đại lý Hàng hải Việt Nam 51.000.000.000 VND, tương đương 51% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam đã đầu tư 3.060.000.000 VND, tương đương 51% vốn thực tế đã đầu tư của các cổ đông (số đầu năm là 3.060.000.000 VND, tương đương 51% vốn thực tế đã đầu tư của các cổ đông). Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty cổ phần bất động sản Đại lý Hàng hải Việt Nam là 47.940.000.000 VND, trong đó chi phí xây dựng Công trình Trung tâm điều hành sản xuất và kinh doanh tại số 1 Bến Vân Đồn đã được sử dụng để góp vốn vào Công ty này với giá trị được các bên thống nhất là 46.500.000.000 VND theo Biên bản thỏa thuận góp vốn số 08/2009/TT-GV ngày 21 tháng 9 năm 2009 nhưng Công ty mẹ chưa hoàn tất thủ tục chuyển nhượng cũng như biên bản bàn giao cho Công ty cổ phần bất động sản Đại lý Hàng hải Việt Nam (thuyết minh V.11).

14. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Tên công ty	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ phần sở hữu	Giá trị	Tỷ lệ phần sở hữu	Giá trị
Công ty TNHH NYK Line Việt Nam	49%	8.672.592.169	49%	8.937.871.094
Công ty TNHH China Shipping Việt Nam	40%	9.515.329.344	40%	7.414.583.865
Cộng		18.187.921.513		16.352.454.959

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801 (lầu 8), số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết, liên doanh như sau:

	<u>Giá trị phần sở hữu đầu năm</u>	<u>Các khoản khác (*)</u>	<u>Phần lãi hoặc lỗ trong năm</u>	<u>Cổ tức, lợi nhuận đã nhận trong năm</u>	<u>Giá trị phần sở hữu cuối năm</u>
Công ty TNHH NYK Line Việt Nam (**)	8.937.871.094	-	6.594.721.075	(6.860.000.000)	8.672.592.169
Công ty TNHH China Shipping Việt Nam	<u>7.414.583.865</u>	<u>(168.046.662)</u>	<u>3.361.441.841</u>	<u>(1.092.649.700)</u>	<u>9.515.329.344</u>
Cộng	<u>16.352.454.959</u>	<u>(168.046.662)</u>	<u>9.956.162.916</u>	<u>(7.952.649.700)</u>	<u>18.187.921.513</u>

(*) Các khoản khác là khoản trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và 11% lãi từ hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2011 tại Công ty TNHH China Shipping Việt Nam.

(**) Tập đoàn hợp nhất Công ty TNHH NYK Line (Việt Nam) theo phương pháp vốn chủ sở hữu căn cứ vào số liệu trên Báo cáo tài chính chưa được kiểm toán của Công ty này.

15. Đầu tư dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
Đầu tư cổ phiếu dài hạn		9.420.160.000		9.420.160.000
- Ngân hàng thương mại cổ phần hàng hải Việt Nam	913.390	7.400.160.000	913.390	7.400.160.000
- Tổng Công ty cổ phần Thép Việt Nam - CTCP	202.000	2.020.000.000	202.000	2.020.000.000
Đầu tư vào đơn vị khác		4.785.678.506		4.776.877.849
- Công ty TNHH Yusen Logistics Solutions Việt Nam (*)		3.259.716.000		3.259.716.000
- Công ty cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam	50.000	500.000.000	50.000	500.000.000
- Công ty liên doanh Bông Sen		525.962.506		517.161.849
- Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Hàng hải		500.000.000		500.000.000
Cộng		<u>14.205.838.506</u>		<u>14.197.037.849</u>

(*) Khoản đầu tư vào Công ty TNHH Yusen Logistics Solutions Việt Nam (trước đây là Công ty TNHH NYK Logistics Việt Nam) với tỷ lệ góp vốn là 51% nhưng có thỏa thuận nhận lãi cố định và không tham gia vào hoạt động kinh doanh của Công ty.

Lý do thay đổi các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác:

- Công ty liên doanh Bông Sen: tăng do trong năm Công ty cổ phần hàng hải Việt Nam được chia lãi liên doanh nhưng để lại tăng vốn đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801 (lầu 8), số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

16. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng đầu tư chứng khoán dài hạn	1.844.008.630	1.844.008.630
Dự phòng khoản lỗ của các công ty con	1.381.111.688	1.381.111.688
- Công ty TNHH SYMS Việt Nam	1.381.111.688	1.381.111.688
Dự phòng các khoản đầu tư dài hạn khác	500.000.000	-
Cộng	3.725.120.318	3.225.120.318

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	3.225.120.318	1.381.111.688
Trích lập dự phòng bổ sung	500.000.000	1.844.008.630
Số cuối năm	3.725.120.318	3.225.120.318

17. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Công cụ, dụng cụ	274.918.358	251.186.546	(388.788.297)	137.316.607
Tiền thuê đất trả trước	1.891.555.338	647.739.000	(60.049.380)	2.479.244.958
Chi phí trả trước dài hạn khác	53.368.592	167.672.393	(118.877.485)	102.163.500
Cộng	2.219.842.288	1.066.597.939	(567.715.162)	2.718.725.065

18. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	461.002.158	-
Phát sinh trong năm	-	461.002.158
Số cuối năm	461.002.158	461.002.158

19. Tài sản dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ký quỹ đặt cọc thuê văn phòng	781.459.759	759.678.594
Ký quỹ dài hạn khác	12.000.000	14.000.000
Cộng	793.459.759	773.678.594

20. Vay và nợ ngắn hạn

Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng thương mại cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh quận 11 và vay ngắn hạn Cán bộ công nhân viên để bổ sung vốn lưu động.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	-	2.000.000.000	(2.000.000.000)	-
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	4.400.000.000	2.860.768.249	(7.260.768.249)	-
Cộng	4.400.000.000	4.860.768.249	(9.260.768.249)	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801 (lầu 8), số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

21. Phải trả người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả người bán cung cấp dịch vụ ^(*)	61.988.774.591	43.877.456.717
Phải trả người bán liên quan đến xây dựng cơ bản	-	906.422.322
Cộng	<u>61.988.774.591</u>	<u>44.783.879.039</u>

^(*) Số tiền còn phải trả cho các nhà cung cấp dịch vụ (dịch vụ nâng hạ container, thuê kho, các dịch vụ thu chi hộ, ...).

22. Người mua trả tiền trước

Số tiền khách hàng trả trước về dịch vụ Công ty sẽ cung cấp.

23. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	608.923.974	9.865.672.385	(10.093.829.131)	380.767.228
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.308.596.442	8.316.199.866	(9.848.009.187)	1.776.787.121
Thuế thu nhập cá nhân ^(*)	1.075.696.043	5.834.401.907	(5.852.206.993)	1.057.890.957
Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	-	17.105.748	(16.594.848)	510.900
Tiền thuê đất	860.256.500	2.692.388.268	(2.089.679.768)	1.462.965.000
Các loại thuế khác ^(*)	2.387.025.728	30.271.223.707	(29.512.232.335)	3.146.017.100
Cộng	<u>8.240.498.687</u>	<u>56.996.991.881</u>	<u>(57.412.552.262)</u>	<u>7.824.938.306</u>

^(*) Trong đó các khoản thuế nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước bao gồm:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế thu nhập cá nhân	23.729.850	33.493.669
Thuế thu nhập doanh nghiệp	17.820.255	17.820.255
Thuế cược	51.463.553	165.184.433
Cộng	<u>93.013.658</u>	<u>216.498.357</u>

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hoa hồng đại lý hàng xuất và hàng nhập	Không chịu thuế
- Dịch vụ cung cấp cho tàu nước ngoài, Khu chế xuất	0%
- Hoạt động vận tải thủy bộ, đại lý tàu, container, kho bãi, ...	10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 02 năm tiếp theo. Năm 2012 là năm thứ 6 Công ty hoạt động kinh doanh có lãi nên Công ty hết hạn được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801 (lầu 8), số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm phát sinh tại từng Công ty trong Tập đoàn như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam	8.316.199.866	9.273.239.015
Công ty TNHH China Shipping Việt Nam	-	419.511.062
Công ty cổ phần bất động sản Đại lý Hàng hải Việt Nam	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của Tập đoàn	<u>8.316.199.866</u>	<u>9.692.750.077</u>

Tiền thuê đất

Công ty mẹ phải nộp tiền thuê đất đối với các diện tích đất sau:

- Diện tích 2.549,66 m² đất tại Đại lý vận tải Quốc tế Phía Bắc (North Freight) và Đại lý Hàng hải Hải Phòng đang sử dụng và nộp theo Thông báo hàng năm của cơ quan thuế.
- Diện tích 11.324,1 m² đất tại Đại lý Hàng hải Quy Nhơn đang sử dụng và nộp theo Thông báo hàng năm của cơ quan thuế.
- Diện tích 10.000 m² đất tại đường Đào Trí, phường Phú Thuận, quận 7, TP. Hồ Chí Minh đang sử dụng và nộp theo Thông báo hàng năm của cơ quan thuế.

Thuế cước, thuế nhà thầu

Các khoản thuế nộp hộ cho các chủ tàu nước ngoài thực hiện dịch vụ vận chuyển hàng hóa từ cảng biển Việt Nam ra nước ngoài, thuế lưu container.

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác được kê khai và nộp theo qui định.

24. Phải trả người lao động

Quỹ tiền lương của Công ty được trích theo Quyết định số 40/QĐ-HĐQT ngày 04 tháng 3 năm 2013 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam là 2.450 VND/1.000 VND lợi nhuận với chỉ tiêu kế hoạch doanh thu đạt 575.000.000.000 VND/năm và chỉ tiêu lợi nhuận tối thiểu là 42.000.000.000 VND.

Chi tiết số dư cuối năm như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Quỹ tiền lương chưa chi hết cho người lao động	22.105.889.981	20.921.769.356
Quỹ tiền lương dự phòng	17.000.000.000	14.000.000.000
Cộng	<u>39.105.889.981</u>	<u>34.921.769.356</u>

25. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Giá trị công trình XD CB chưa quyết toán khối lượng hoàn thành	4.390.698.496	9.062.599.093
Chi phí đại lý vận tải	3.184.347.460	529.266.279
Chi phí khác	6.049.498.183	5.120.067.376
Cộng	<u>13.624.544.139</u>	<u>14.711.932.748</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801 (lầu 8), số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

26. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	16.229.866	20.702.897
Kinh phí công đoàn	1.729.037.521	1.541.664.129
Cổ tức phải trả	226.407.325	229.707.325
Lãi vay phải trả	-	257.998.000
Nhận ký quỹ ngắn hạn	183.673.000	270.723.000
Các khoản phải trả khác	110.015.854.081	102.577.428.759
<i>Các khoản trả hộ và tiền nhận để trả hộ cho các hãng tàu^(*)</i>	<i>94.655.918.328</i>	<i>88.689.094.028</i>
<i>Tiền tài khoản ký ngân của các hãng tàu</i>	<i>4.391.636.755</i>	<i>2.832.073.554</i>
<i>Giữ hộ tiền của Công ty TNHH SYMS Việt Nam</i>	<i>5.637.645.752</i>	<i>5.637.645.752</i>
<i>Phải trả khác</i>	<i>5.330.653.246</i>	<i>5.418.615.425</i>
Cộng	<u>112.171.201.793</u>	<u>104.898.224.110</u>

(*) Trong đó, các khoản trả hộ và tiền nhận để trả hộ cho các hãng tàu chưa được đối chiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 34.643.960.756 VND (bao gồm khoản nợ đang tranh chấp với số tiền là 8.342.091.909 VND).

27. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	13.349.527.200	18.252.731.678
Tăng do trích lập từ lợi nhuận trong năm	3.943.408.278	5.479.634.015
Tăng khác	-	569.826.709
Chi quỹ trong năm	(7.284.097.461)	(8.918.261.932)
Chi bù đắp thuế TNDN truy thu từ các năm trước của North Freight	-	(1.099.889.193)
Hoàn nhập khoản bù đắp thuế TNDN truy thu từ các năm trước của North Freight nhưng không chi hết	100.105.802	-
Giảm khác ^(*)	-	(934.514.077)
Số cuối năm	<u>10.108.943.819</u>	<u>13.349.527.200</u>

(*) Giảm quỹ khen thưởng, phúc lợi của Công ty TNHH China Shipping Việt Nam do chuyển từ Công ty con thành Công ty liên kết.

28. Phải trả dài hạn khác

Khoản phải trả dài hạn khác phát sinh tại Công ty mẹ.

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nhận tiền ký quỹ thuê văn phòng Oceanpark của Europac Shipping	44.201.652	46.738.032
Nhận tiền ký quỹ cho thuê kho bãi	560.000.000	-
Các khoản khác	20.000.000	110.400.000
Cộng	<u>624.201.652</u>	<u>157.138.032</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801 (lầu 8), số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

29. Vay và nợ dài hạn

Khoản vay dài hạn phát sinh tại Công ty mẹ.

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn các tổ chức và cá nhân khác	3.078.906.000	3.078.906.000
- Công ty TNHH Luen Wah Trading (Hong Kong) ^(a)	<u>3.078.906.000</u>	<u>3.078.906.000</u>
Cộng	<u>3.078.906.000</u>	<u>3.078.906.000</u>

(a) Khoản vay dài hạn 3.078.906.000 VND # 1.980.000 RMP từ Luen Wah Trading Co., Ltd. (Hồng Kông) theo hợp đồng số 01/LC-HK ngày 10/4/1998, thời hạn vay là 25 năm và không tính lãi.

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	-	-
Trên 1 năm đến 5 năm	-	-
Trên 5 năm	3.078.906.000	3.078.906.000
Tổng nợ	<u>3.078.906.000</u>	<u>3.078.906.000</u>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	3.078.906.000	3.078.906.000
Số tiền vay đã trả	-	-
Số cuối năm	<u>3.078.906.000</u>	<u>3.078.906.000</u>

30. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	1.499.194.125	1.792.096.740
Số trích lập trong năm	-	1.031.541.746
Số chi trong năm	(214.840.625)	(692.540.459)
Hoàn nhập vào thu nhập khác	(1.284.353.500)	-
Giảm khác ^(*)	-	(631.903.902)
Số cuối năm	<u>-</u>	<u>1.499.194.125</u>

(*) Giảm quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm của Công ty TNHH China Shipping Việt Nam do chuyển từ Công ty con thành Công ty liên kết.

31. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Trả cổ tức năm trước	13.980.000.000	13.980.000.000
Tạm ứng cổ tức	-	-
Cộng	<u>13.980.000.000</u>	<u>13.980.000.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801 (lầu 8), số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.650.000	11.650.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.650.000	11.650.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>11.650.000</i>	<i>11.650.000</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.650.000	11.650.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>11.650.000</i>	<i>11.650.000</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái

Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm của các khoản công nợ.

Mục đích trích lập các quỹ

- Quỹ đầu tư phát triển được dùng để mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu.
- Quỹ dự phòng tài chính được dùng để bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,....
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được dùng để phục vụ đối ngoại, phát triển kinh doanh và bổ sung vốn điều lệ.

32. Lợi ích của cổ đông thiểu số

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông thiểu số trong giá trị tài sản thuần của các công ty con. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông thiểu số như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	3.374.269.188	14.191.988.364
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	(322.355.384)	220.049.754
Điều chỉnh lợi ích cổ đông thiểu số của Công ty TNHH China Shipping Việt Nam do chuyển sang Công ty liên kết	-	(10.413.090.482)
Các khoản khác	-	(624.678.448)
Số cuối năm	<u>3.051.913.804</u>	<u>3.374.269.188</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801 (lầu 8), số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	610.090.537.747	691.702.768.116
- Doanh thu đại lý tàu	90.466.582.053	109.611.080.600
- Doanh thu đại lý vận tải	371.800.704.902	431.230.984.190
- Doanh thu kiểm kiện	12.282.403.620	12.966.005.164
- Doanh thu kho ngoại quan	40.679.925.052	51.779.191.120
- Doanh thu hoa hồng hàng xuất khẩu, nhập khẩu	-	3.228.175.153
- Doanh thu sản xuất kinh doanh mứt xốt	16.024.480.922	9.130.994.564
- Doanh thu cho thuê sà lan, tàu lai	33.962.212.311	27.418.432.384
- Doanh thu cho thuê nhà kho, khách sạn	19.409.620.006	8.813.801.805
- Doanh thu dịch vụ khác	25.464.608.881	37.524.103.136
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	<u>610.090.537.747</u>	<u>691.702.768.116</u>

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên	78.548.350.263	86.499.800.026
Chi phí vật liệu bao bì	19.470.123.287	10.601.942.983
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.459.288.303	8.683.048.772
Chi phí dịch vụ mua ngoài	382.413.178.377	469.804.952.750
Chi phí khác	38.201.789.148	28.694.437.246
Cộng	<u>528.092.729.378</u>	<u>604.284.181.777</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	8.300.654.486	12.145.290.793
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	668.785.561	1.089.328.410
Cổ tức, lợi nhuận được chia	5.392.271.944	2.339.536.466
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	9.554.306.151	10.508.751.117
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	415.997.779	-
Lãi bán ngoại tệ	-	942.079.879
Lãi chuyển nhượng vốn	-	271.454.501
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	361.488.963
Cộng	<u>24.332.015.921</u>	<u>27.657.930.129</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	40.002.000	736.522.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.304.713.189	5.325.008.115
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	36.849.750
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	500.000.000	1.844.377.626
Chi phí tài chính khác	-	240.438.719
Cộng	<u>1.844.715.189</u>	<u>8.183.196.210</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801 (lầu 8), số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên	42.471.523.946	41.079.250.421
Chi phí nguyên vật liệu	1.041.546.454	1.270.525.687
Chi phí công cụ dụng cụ	1.540.744.129	1.870.435.214
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.199.054.124	2.082.354.840
Thuế, phí, lệ phí	2.150.287.923	1.317.912.500
Chi phí dự phòng	363.710.169	218.250.756
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.039.234.772	12.899.804.230
Chi phí khác	8.193.114.452	10.256.673.748
Cộng	<u>68.999.215.969</u>	<u>70.995.207.396</u>

6. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	502.999.999	668.181.818
Thu nhập từ lô hàng phôi thép bán trong năm	3.496.861.107	-
Các khoản nợ không xác định được chủ	857.180.391	-
Hoàn nhập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	1.255.502.352	-
Các khoản thu nhập khác	181.494.490	1.394.619.901
Cộng	<u>6.294.038.339</u>	<u>2.062.801.719</u>

7. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá trị còn lại của tài sản cố định nhượng bán, thanh lý	-	461.250.000
Chi phí của lô hàng phôi thép bán trong năm	3.423.925.831	-
Thuế bị phạt, bị truy thu	1.411.530.866	1.273.506
Các khoản chi phí khác	164.719.604	246.088.881
Cộng	<u>5.000.176.301</u>	<u>708.612.387</u>

8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty TNHH NYK Line Việt Nam	6.594.721.075	6.877.385.339
Công ty TNHH China Shipping Việt Nam	3.361.441.841	1.171.276.300
Cộng	<u>9.956.162.916</u>	<u>8.048.661.639</u>

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông Công ty mẹ	38.742.073.604	35.849.166.160
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của cổ đông Công ty mẹ	38.742.073.604	35.849.166.160
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (*)	11.650.000	11.650.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>3.325</u>	<u>3.077</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801 (lầu 8), số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(*) Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	11.650.000	11.650.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	<u>11.650.000</u>	<u>11.650.000</u>

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	20.511.669.741	11.872.468.670
Chi phí nhân công	121.019.874.209	127.579.050.447
Chi phí công cụ dụng cụ	1.540.744.129	1.870.435.214
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.658.342.427	10.765.403.612
Chi phí dịch vụ mua ngoài	393.452.413.149	482.704.756.980
Chi phí khác	48.908.901.692	40.487.274.250
Cộng	<u>597.091.945.347</u>	<u>675.279.389.173</u>

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

1. Các khoản tiền và tương đương tiền Tập đoàn đang nắm giữ nhưng không được sử dụng

Tập đoàn không được phép sử dụng khoản tiền người mua trả trước, số tiền 13.207.224.806 VND (xem thuyết minh số V.1) do các ràng buộc mà Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam phải thực hiện với các hãng tàu.

2. Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm, Tập đoàn đã ứng trước cho nhà cung cấp để thực hiện các hợp đồng xây dựng cơ bản tại Vosa Quảng Ninh với số tiền là 396.000.000 VND (thuyết minh V.4).

Ngoài ra, một số công trình xây dựng cơ bản của Công ty mẹ (Vosa Quảng Ninh) và phần mềm máy tính đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng chưa hoàn thành thủ tục nghiệm thu, quyết toán công trình. Do vậy, Công ty mẹ đã tạm kết chuyển tài sản cố định với giá trị ước tính chưa quyết toán là 4.390.698.496 VND (thuyết minh V.10, V.12 và V.25).

Công ty mẹ chưa nhận được 50% lợi nhuận năm 2011 được chia với số tiền là 1.286.889.767 VND từ Công ty TNHH Yusen Logistics Solutions Việt Nam (thuyết minh V.5).

3. Các giao dịch khác

Trong năm, Công ty mẹ đã chi tiền để gửi tiết kiệm có kỳ hạn và thu hồi các khoản tiền gửi có kỳ hạn với số tiền lần lượt là 17.700.000.000 VND và 18.000.000.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801 (lầu 8), số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Nợ tiềm tàng

Hiện tại, sổ sách kế toán của Công ty mẹ đang phản ánh khoản nợ phải trả Manuchar Hong Kong Limited số tiền là 8.342.091.909 VND (thuyết minh V.26). Tuy nhiên, Manuchar Hong Kong Limited lại khởi kiện đòi Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam phải thanh toán số tiền là 5,965,008.84 USD (bao gồm nợ tiền hàng là 4,886,233.84 USD và lãi phát sinh từ tháng 7 năm 2008 đến tháng 11 năm 2009 là 1,078,775.00 USD) tương đương 124.239.204.119 VND (quy đổi theo tỷ giá 20.828 VND/USD). Theo phiên hòa giải diễn ra ngày 11 tháng 11 năm 2010 tại Trụ sở Tòa án Nhân dân TP. Hồ Chí Minh, Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam trình bày chỉ còn phải trả Manuchar số tiền 14,328.40 USD tương đương 298.431.915 VND (quy đổi theo tỷ giá 20.828 VND/USD) Hiện tại chưa có phán quyết cuối cùng về vấn đề này.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	3.429.847.919	3.260.991.205
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	82.847.048	62.278.969
Phụ cấp	574.649.745	668.969.050
Tiền thưởng	1.773.146.926	879.936.950
Cộng	<u>5.860.491.638</u>	<u>4.872.176.174</u>

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu</u>
Tổng Công ty hàng hải Việt Nam	Cổ đông góp vốn	51%

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng Công ty hàng hải Việt Nam		
Chia cổ tức	7.137.360.000	7.137.360.000

3. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động của Công ty chủ yếu nằm trong một lĩnh vực kinh doanh là các dịch vụ về đại lý hàng hải.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801 (lầu 8), số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Tập đoàn phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Các Công ty trong Tập đoàn giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu chuyển tiền trước vào tài khoản ký ngân đối với các hãng tàu nước ngoài. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của các Công ty trong Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.5 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	180.438.636.959	-	-	-	180.438.636.959
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.000.000.000	-	-	-	1.000.000.000
Phải thu khách hàng	73.676.772.452	-	-	1.143.241.713	74.820.014.165
Các khoản phải thu khác	23.704.262.434	-	-	-	23.704.262.434
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	-	14.205.838.506	-	-	14.205.838.506
Cộng	278.819.671.845	14.205.838.506	-	1.143.241.713	294.168.752.064
Số đầu năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	152.677.941.966	-	-	-	152.677.941.966
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.500.000.000	-	-	-	1.500.000.000
Phải thu khách hàng	70.294.192.240	-	-	1.632.744.975	71.926.937.215
Các khoản phải thu khác	29.006.038.285	-	-	-	29.006.038.285
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	-	14.197.037.849	-	-	14.197.037.849
Cộng	253.478.172.491	14.197.037.849	-	1.632.744.975	269.307.955.315

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801 (lầu 8), số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Các Công ty trong Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Vay và nợ	-	-	3.078.906.000	3.078.906.000
Phải trả người bán	61.988.774.591	-	-	61.988.774.591
Các khoản phải trả khác	124.458.767.187	-	-	124.458.767.187
Cộng	186.447.541.778	-	3.078.906.000	189.526.447.778
Số đầu năm				
Vay và nợ	4.400.000.000	-	3.078.906.000	7.478.906.000
Phải trả người bán	44.783.879.039	-	-	44.783.879.039
Các khoản phải trả khác	118.204.927.864	-	-	118.204.927.864
Cộng	167.388.806.903	-	3.078.906.000	170.467.712.903

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tập đoàn gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro về giá chứng khoán.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và ngày 31 tháng 12 năm 2011 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, giá chứng khoán sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam cung cấp dịch vụ về đại lý tàu biển với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801 (lầu 8), số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công ty cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ USD và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Tập đoàn như sau:

	<u>Số cuối năm (USD)</u>	<u>Số đầu năm (USD)</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	3,861,378.63	2,888,152.11
Phải thu khách hàng	697,001.29	1,723,151.45
Các khoản phải thu khác	139,633.00	229,360.40
Phải trả người bán	(1,406,495.32)	(1,173,091.29)
Các khoản phải trả khác	(2,109,754.96)	(2,959,697.78)
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần	<u>1,181,762.64</u>	<u>707,874.89</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và USD tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Tập đoàn sẽ tăng/giảm 2.564.698.328 VND (năm trước tăng/giảm 1.962.440.337 VND) do ảnh hưởng của lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các công cụ tài chính. Mức độ nhạy cảm đối với sự biến động của tỷ giá hối đoái năm nay không thay đổi nhiều so với năm trước.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty không đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty do các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản vay của Công ty có lãi suất cố định.

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Công ty cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Công ty cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể do khoản đầu tư chứng khoán có giá trị nhỏ và đã được xem xét lập dự phòng giảm giá đầy đủ tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Tài sản đảm bảo

Tập đoàn không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801 (lầu 8), số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	180.438.636.959	-	152.677.941.966	-	180.438.636.959	152.677.941.966
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.000.000.000	-	1.500.000.000	-	1.000.000.000	1.500.000.000
Phải thu khách hàng	75.769.373.835	(949.359.670)	73.447.899.730	(1.520.962.515)	74.820.014.165	71.926.937.215
Các khoản phải thu khác	23.704.262.434	-	29.006.038.285	-	23.595.594.099	28.847.363.879
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	14.205.838.506	(2.344.008.630)	14.197.037.849	(1.844.008.630)	11.861.829.876	12.353.029.219
Cộng	295.118.111.734	(3.293.368.300)	270.828.917.830	(3.364.971.145)	291.716.075.099	267.305.272.279

Nợ phải trả tài chính


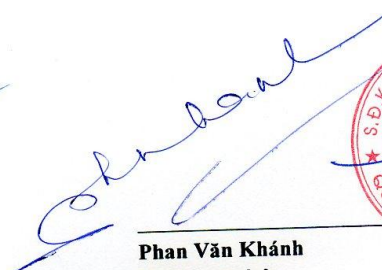

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	Vay và nợ	3.078.906.000	7.478.906.000	1.352.580.134
Phải trả người bán	61.988.774.591	44.783.879.039	61.988.774.591	44.783.879.039
Các khoản phải trả khác	124.458.767.187	118.204.927.864	124.377.234.948	118.598.419.771
Cộng	189.526.447.778	170.467.712.903	187.718.589.673	169.030.624.981


Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Tập đoàn sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc năm tài chính. Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày kết thúc năm tài chính thì giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 3 năm 2012

 Võ Trung Thắng Người lập biểu	 Phan Văn Khánh Phó phụ trách Phòng Tài chính kế toán	 Vũ Xuân Trung Tổng Giám đốc
--	--	---



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801, lầu 8, số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	<u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u>	<u>Chênh lệch tỷ giá hối đoái</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Quỹ dự phòng tài chính</u>	<u>Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số dư đầu năm trước	116,500,000,000	3,129,560,543	24,737,700,420	5,558,479,791	5,021,439,697	26,629,931,600	181,577,112,051
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	35,849,166,160	35,849,166,160
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	2,809,437,552	1,712,385,630	2,054,862,756	(12,056,319,953)	(5,479,634,015)
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	(13,980,000,000)	(13,980,000,000)
Chi quỹ trong năm	-	-	-	-	(285,500,000)	-	(285,500,000)
Điều chỉnh tăng lợi nhuận sau thuế từ quỹ khen thưởng phúc lợi khoản thuế truy thu của North Freight theo Biên bản quyết toán thuế 2006	-	-	-	-	-	1,099,889,193	1,099,889,193
Chênh lệch tỷ giá	-	5,467,297,934	-	-	-	-	5,467,297,934
Các khoản khác	-	(93,963,588)	(1,384,526,151)	(659,306,218)	-	2,877,556,586	739,760,629
Số dư cuối năm trước	116,500,000,000	8,502,894,889	26,162,611,821	6,611,559,203	6,790,802,453	40,420,223,586	204,988,091,952
Số dư đầu năm nay	116,500,000,000	8,502,894,889	26,162,611,821	6,611,559,203	6,790,802,453	40,420,223,586	204,988,091,952
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	38,742,073,604	38,742,073,604
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	5,377,374,924	1,792,458,308	2,150,949,970	(13,264,191,480)	(3,943,408,278)
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	(13,980,000,000)	(13,980,000,000)
Chi quỹ trong năm	-	-	-	-	(557,400,000)	-	(557,400,000)
Hoàn nhập quỹ khen thưởng phúc lợi liên quan thuế truy thu của NF theo Biên bản quyết toán thuế 2006 không chi hết	-	-	-	-	-	(100,105,785)	(100,105,785)
Các khoản khác	-	(8,502,894,889)	-	-	-	(168,046,662)	(8,670,941,551)
Số dư cuối năm nay	116,500,000,000	-	31,539,986,745	8,404,017,511	8,384,352,423	51,649,953,263	216,478,309,942



Võ Trung Thắng
Người lập biểu



Phan Văn Khánh
Phó phụ trách Phòng Tài chính kế toán



Vũ Xuân Trung
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 3 năm 2012